

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 1 năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Đơn vị chủ quản): Bộ Y tế  
Trường: Đại học Y Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017<sup>1</sup>

#### 1. Thông tin chung về trường (Tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (cơ sở và phân hiệu) và địa chỉ trang web

1.1.1 Tên trường: Trường Đại học Y Hà Nội.

1.1.2. Sứ mệnh:

Đại học Y Hà Nội là một trong những trường đại học hàng đầu Việt Nam với lịch sử hơn một trăm năm, không ngừng phấn đấu vì sức khỏe con người, thông qua những nỗ lực vươn tới đỉnh cao trong đào tạo nguồn nhân lực y tế, trong khoa học – công nghệ và trong cung cấp chuyên gia cao cấp cho ngành y tế.

1.1.3. Địa chỉ:

- Trường Đại học Y Hà Nội: Số 01, phố Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội.

- Phân hiệu của Trường tại Thanh Hóa: Lô UB1-02 Khu Đô Thị Đông Nam, TP Thanh Hoá.

1.1.3. Địa chỉ trang Web: [www.hmu.edu.vn](http://www.hmu.edu.vn);

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐSP	
	GD chính quy (ghi rõ số NCS, số học cao học, số SV đại học)	GDTX (ghi rõ số SV ĐH)	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành VI	NCS:637; CH:1071; CK:1377, CKII: 291, BSNT:522; CK2: 291; ĐH: 5852;			
<b>Tổng (ghi rõ cả số NCS, cao học, SV ĐH, CĐ)</b>	9750			

<sup>1</sup> Năm 2017 các cơ sở giáo dục chỉ kê khai từ mục 1 đến hết mục 3; từ năm 2018 kê khai toàn bộ các thông tin trong Phụ lục này

### 1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc Gia. Thí sinh phải có tổ hợp thi 03 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học (B00).

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2015			Năm tuyển sinh 2016				
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển nhập học		Điểm trúng tuyển	
					Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2
<b>Nhóm ngành VI</b>								
Y Đa Khoa	500	519	27,75	500	450		27,0	
Y Đa Khoa <i>phân hiệu thanh hóa</i>	Chưa tuyển sinh			100	58	20	24,5	24,0
Răng Hàm Mặt	80	82	27,0	80	48		26,75	
Y học Cổ truyền	50	77	25,0	50	13	33	25,5	22,5
Y học Dự phòng	100	101	24,0	100	48	48	24,0	22,0
Y tế Công cộng	30	27	23,0	30	10	25	23,25	20,25
Xét nghiệm Y học	50	67	24,25	50	17	24	24,75	21,75
Điều dưỡng	90	110	24,0	90	62	45	24,0	22,0
Dinh dưỡng	50	64	23,0	50	35	22	23,5	21,0
Khúc xạ Nhãn khoa	50	67	23,75	50	22	31	24,5	22,5
<b>Tổng</b>	1000	1114		1100	763	248		

## 2. Các thông tin của năm tuyển sinh 2017

2.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tham dự kỳ thi THPT Quốc gia năm 2017.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia và có tổ hợp 3 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học để xét tuyển.

#### 2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Đào tạo trình độ đại học, chỉ tiêu theo ngành đào tạo.

#### 2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:

Theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

Thí sinh tốt nghiệp THPT và có tổ hợp bài thi Toán và môn thi Hóa học, Sinh học để xét tuyển. Điểm trúng tuyển theo ngành đào tạo. Tiêu chí phụ và thứ tự ưu tiên của các tiêu chí phụ dùng để xét tuyển nếu các thí sinh cuối cùng của chỉ tiêu tuyển sinh có điểm thi bằng nhau: Ưu tiên 1 Điểm bài thi Toán; Ưu tiên 2 Điểm môn thi Sinh học.

*Đối với thí sinh tốt nghiệp các năm trước:* Không sử dụng kết quả điểm thi THPT Quốc gia các năm trước để xét tuyển vào Trường.

*Ghi chú:* Năm 2018, Trường Đại học Y Hà Nội lấy kết quả thi THPT Quốc gia môn Ngoại Ngữ làm tiêu chí phụ để xét tuyển vào Trường.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối từng ngành đào tạo.

- Thời gian, hình thức nhận ĐKXT: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Tổ hợp môn thi/bài thi xét tuyển: Toán, hóa học, sinh học.

2.8. Chính sách ưu tiên: Tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

##### a. Tuyển thẳng:

- Những thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic Quốc tế các môn Toán, Hóa, Sinh thuộc điểm c, khoản 2 điều 7 của qui chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui năm 2017; Những thí sinh đạt giải Nhất Quốc gia môn Sinh, Toán, Hóa; Những thí sinh đạt giải Quốc tế Nhất, Nhì, Ba, Tư trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật và đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào tất cả các ngành.
- Những thí sinh đạt giải Nhì và Ba Quốc gia môn Sinh, Toán, Hóa và đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào ngành: Y học Cổ truyền, Y học Dự phòng, Điều dưỡng, Xét nghiệm Y học, Y tế Công cộng, Dinh dưỡng và Cử nhân Khúc xạ.
- Những thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật Quốc gia đã tốt nghiệp trung học phổ thông. *Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học của Trường sẽ xem xét cụ thể kết quả dự án hoặc đề tài mà thí sinh đạt giải để tuyển thẳng vào một số ngành hệ cử nhân.*

- Số lượng tuyển thẳng không quá 10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành. Nếu số lượng đăng ký tuyển thẳng vượt quá 10% chỉ tiêu mỗi chuyên ngành, Nhà Trường sẽ xét tiêu chí ưu tiên theo thứ tự sau:
  - + Đối với những thí sinh được miễn thi tốt nghiệp THPT: Ưu tiên 1 Theo thứ tự đạt giải; Ưu tiên 2 Điểm tổng kết 03 năm học THPT.
  - + Đối với những thí sinh phải thi tốt nghiệp THPT: Ưu tiên 1 Tổng điểm các bài thi tốt nghiệp; Ưu tiên 2 Điểm bài thi Toán.
- b. Ưu tiên xét tuyển (*Áp dụng cho các thí sinh không đạt điều kiện tuyển thẳng hay không dùng điều kiện tuyển thẳng*). Thí sinh được cộng điểm thưởng vào tổng điểm bài thi Toán và môn thi Hóa học, Sinh học:
  - Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc Gia môn Toán, Sinh, Hóa:
    - + Đạt giải Nhất: Cộng 4,0 điểm.
    - + Đạt giải Nhì: Cộng 3,0 điểm.
    - + Đạt giải Ba: Cộng 2,0 điểm.

#### 2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo qui định của Bộ GD&ĐT.

#### 2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Theo nghị định 86/2015/NĐ-CP.

#### 2.11. Các nội dung khác (không trái quy định)....

### 3. Thông tin về các Điều kiện đảm bảo chất lượng chính

#### 3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

##### 3.1.1. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
<b>1</b>	<b>Phòng thực hành</b>	
	- Kính hiển vi (04 phòng)	Kính hiển vi truyền hình và kính hiển vi 2 mắt >200 kính
	- Toán tin (04 phòng)	Máy tính để bàn >100 bộ
	- Ngoại ngữ (03 phòng)	Máy tính để bàn và hệ thống phần mềm dạy và học ngoại ngữ >90 máy
<b>2</b>	<b>Phòng thí nghiệm</b>	
		Máy đếm tế bào máu 43 thông số
		Máy phân tích đông máu
		Bộ máy định dạng vi khuẩn
		Máy Realtime PCR

<b>TT</b>	<b>Tên</b>	<b>Các trang thiết bị chính</b>
		Hệ thống Xét nghiệm sinh hóa tự động
		Tủ lạnh thường bảo quản mẫu
		Máy phân tích máu lắng
		Kính hiển vi quang học
		Máy khuếch đại gen
		Quang phổ kế tử ngoại khả kiến
		Máy điện di ngang
		Máy điện di đứng
		Bồn rửa bằng sóng siêu âm
		Tủ đựng hóa chất di động
		Tủ lạnh trữ mẫu
		Tủ sấy dụng cụ
		Thiết bị hấp ướt vô khuẩn
		Lò sấy 300 độ
		Máy ly tâm thường
		Máy ly tâm lạnh
		Máy Spin down
		Máy làm đá vảy
		Máy ủ mẫu kèm lắc
		Máy đo pH
		Cân điện tử
		Máy lắc
		Hệ thống ELISA
		Tủ an toàn sinh học cấp 2
		Tủ ấm thường
		Tủ ấm CO2
		Máy đo độ đục tế bào
		Máy sấy lam C
		Máy soi gen
		Hệ thống chụp ảnh và phân tích gel
		Máy ly tâm thường
		Tủ lạnh âm sâu -30
		Tủ lạnh âm sâu -86
		Máy lọc nước siêu sạch

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
		Máy lọc nước khử ion
		Máy phân tích máu lắng
		Tủ sấy dụng cụ
		Thiết bị hấp ước vô khuẩn

### 3.1.2. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	4
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	28
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	18
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	7
5	Số phòng học đa phương tiện	1

### 3.1.3. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
	Nhóm ngành VI	Sách pháp ngữ 330 cuốn Sách tham khảo 9275 cuốn sách ngoại văn ( tiếng anh) 5259 cuốn Sách Giáo tình 34752 cuốn Luận văn 12882 cuốn Sách điện tử- e book 240 cuốn Tạp chí hơn 40 nghìn bài báo tạp chí trên tổng số hơn 30 đầu báo

### 3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu (file excel): File EXCEL đính kèm

#### 4. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 năm gần nhất):

Nhà trường đang triển khai công tác khảo sát việc làm sinh viên.

#### 5. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm và chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm:

#### 6. Thông tin tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển từ năm 2018.

Từ năm 2018, Trường Đại học Y Hà Nội sẽ thực hiện việc tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng theo qui định như sau:

##### a. Đối tượng tuyển thẳng.

- Những thí sinh trong đội tuyển dự thi Olympic Quốc tế môn Toán, Sinh, Hóa và những thí sinh đạt giải Nhất Quốc gia môn Toán, Sinh, Hóa, đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào tất cả các ngành.

- Những thí sinh đạt giải Nhì và Ba Quốc gia môn Sinh, Toán, Hóa, đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào ngành: Y học Cổ truyền, Y học Dự phòng, Điều dưỡng, Xét nghiệm Y học, Y tế Công cộng, Dinh dưỡng và Cử nhân Khúc xạ.
- Số lượng tuyển thẳng 5-10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành.

**b. Đối tượng ưu tiên xét tuyển.** (*Áp dụng cho các thí sinh không đạt điều kiện tuyển thẳng hay không dùng điều kiện tuyển thẳng*).

Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc Gia môn Sinh, Toán, Hóa sẽ được cộng điểm thưởng vào tổng điểm 3 bài thi/môn thi xét tuyển của Trường. Mức điểm cộng, Trường sẽ công bố cụ thể theo từng năm.

*Ngày 09 tháng 02 năm 2017*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Ký tên và đóng dấu)*